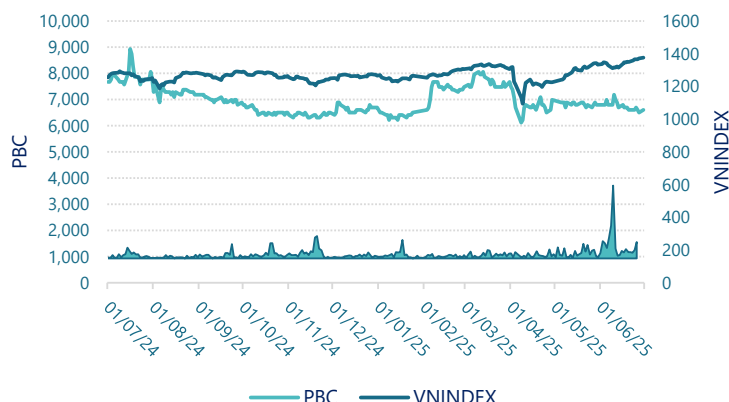


CTCP Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (UPCOM: PBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,933
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,117
SL cổ phiếu LH	113,299,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	770
P/E	29.9
EPS	228

DT thuần

Q2/25

289

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 69.0 | 31.2%

YoY: ▲ 26.0 | 9.8%

LN sau thuế

Q2/25

-16.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 35.8 | -182%

YoY: ▼ 19.9 | -526%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-1.5%

+/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần

6T 2025

509

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00 | 1.4%

LN sau thuế

6T 2025

3.62

tỷ VNĐ

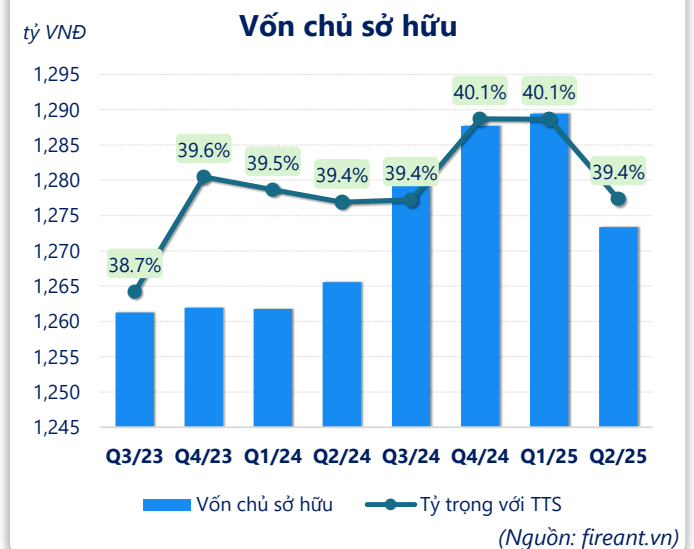
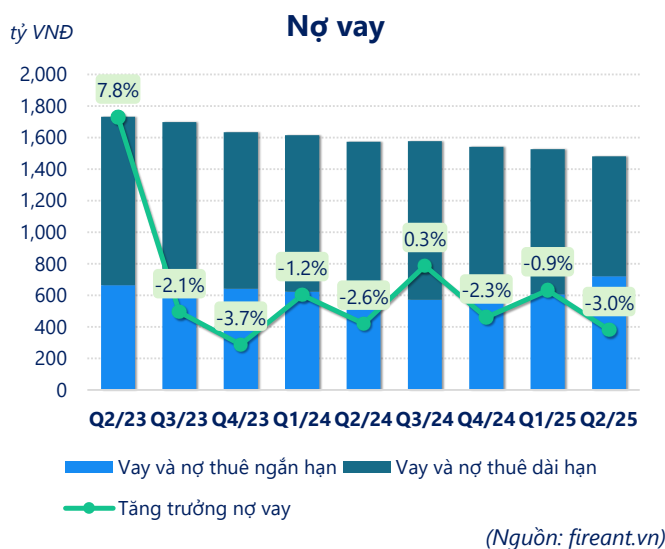
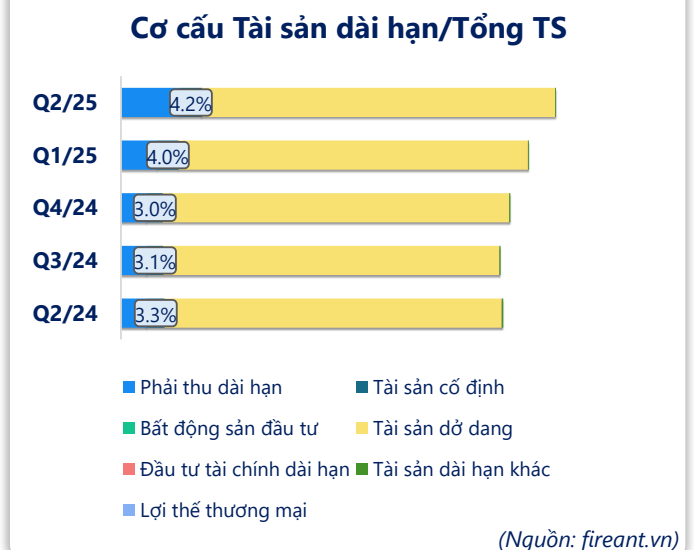
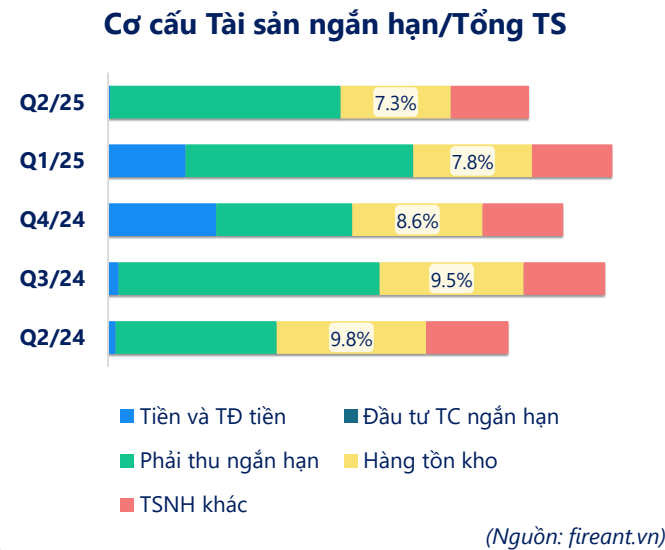
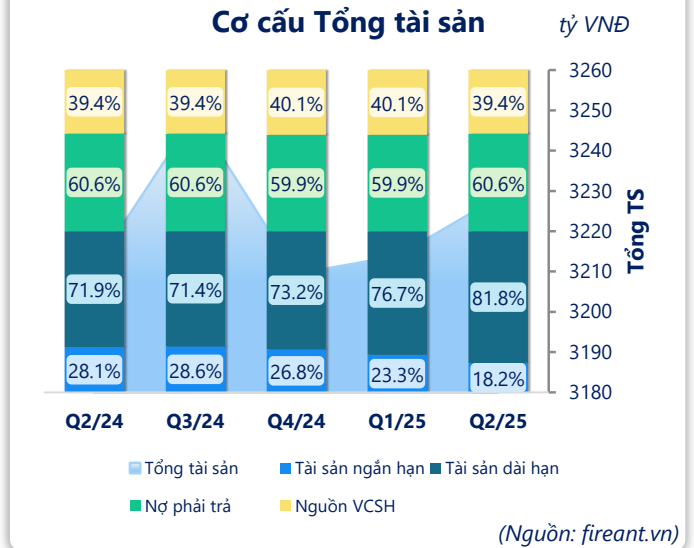
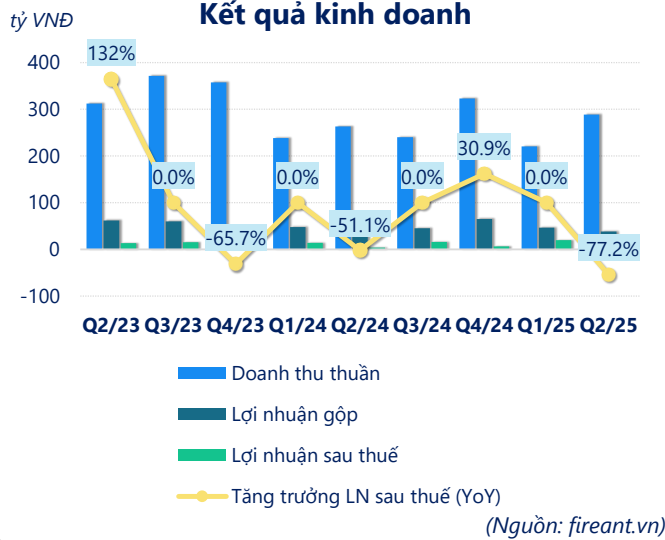
YoY: ▼ 13.9 | -79.3%

ROE

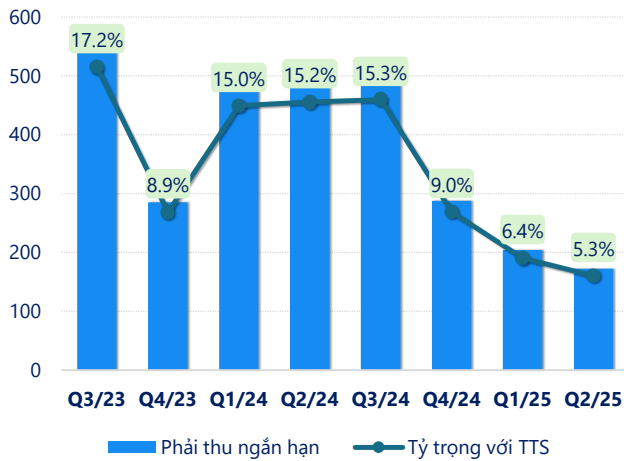
Q2/25

2.0%

+/- YoY: ▼ 0.6%

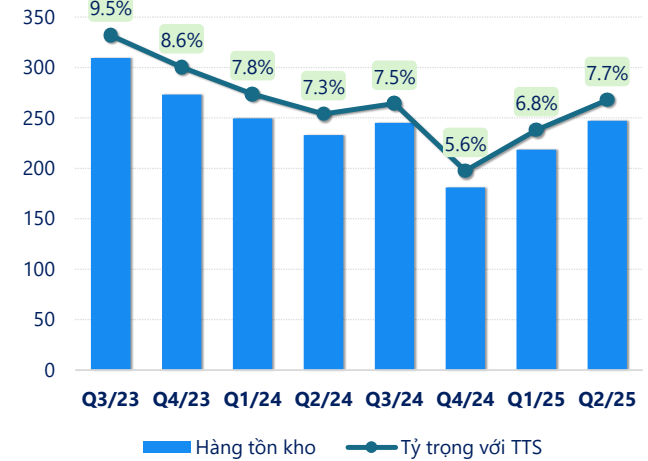


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


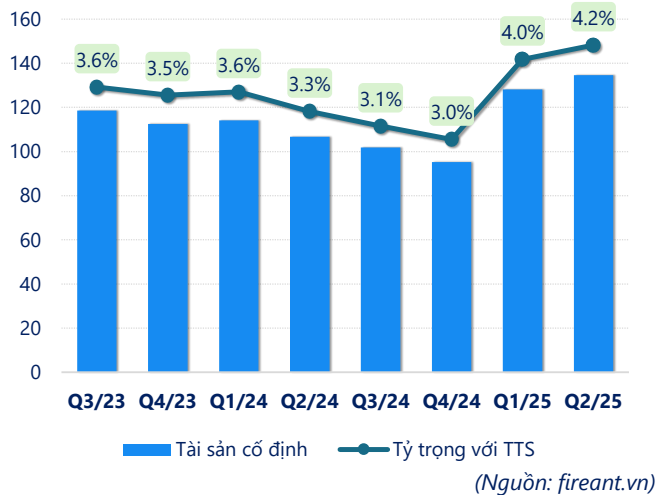
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


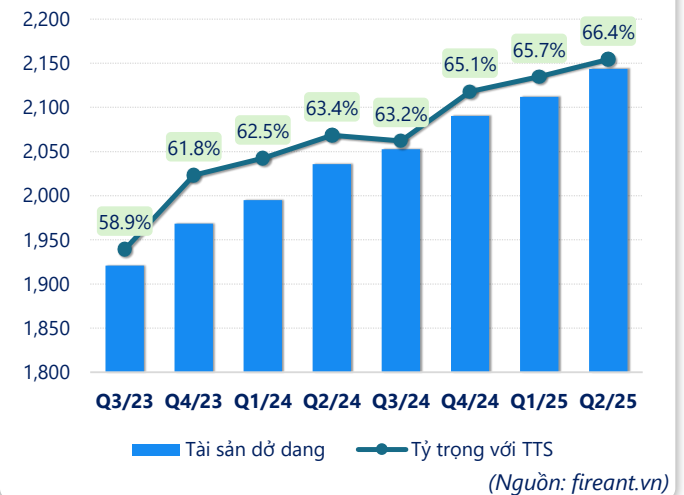
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

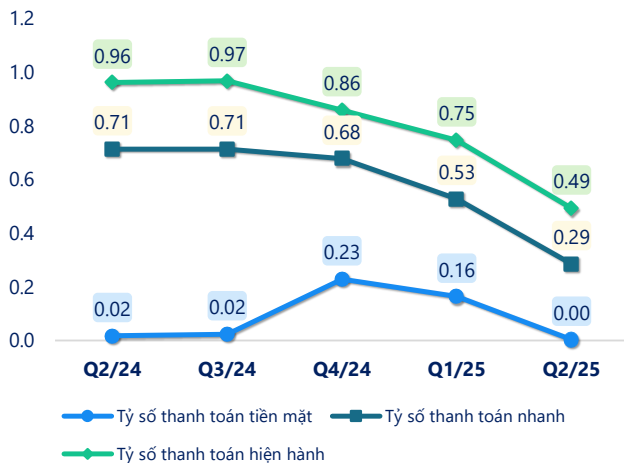
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

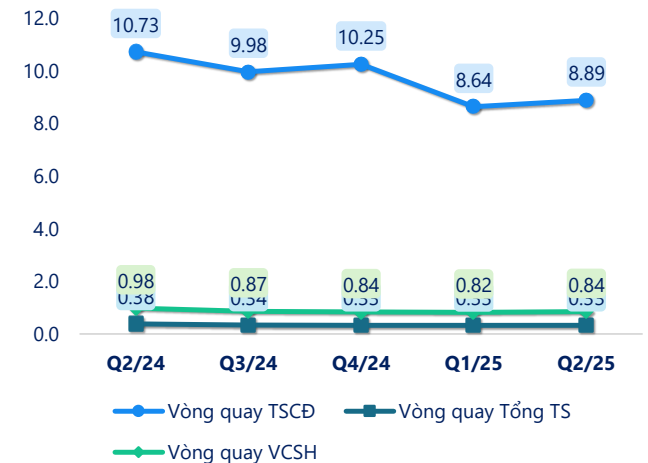
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,211	3,249	3,209	3,214	3,228
Tài sản ngắn hạn	902	930	859	748	587
Tiền và tương đương tiền	16.1	22.8	228	164	3.95
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	488	498	288	204	172
Hàng tồn kho	233	245	181	218	247
Tài sản ngắn hạn khác	165	164	161	161	164
Tài sản dài hạn	2,309	2,319	2,351	2,466	2,641
Phải thu dài hạn	157	157	157	219	357
Tài sản cố định	107	102	95.2	128	135
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2,036	2,053	2,090	2,112	2,144
Đầu tư tài chính dài hạn	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28
Tài sản dài hạn khác	9.45	7.68	7.81	5.68	5.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,945	1,968	1,922	1,924	1,955
Nợ ngắn hạn	938	961	1,000	1,003	1,192
Vay và nợ thuê ngắn hạn	568	572	621	606	721
Phải trả người bán ngắn hạn	175	189	175	187	227
Nợ dài hạn	1,007	1,007	922	922	763
Vay và nợ thuê dài hạn	1,005	1,005	920	920	760
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,266	1,281	1,288	1,289	1,273
Vốn chủ sở hữu	1,266	1,281	1,288	1,289	1,273
Vốn điều lệ	1,133	1,133	1,133	1,133	1,133
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)